

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 01/KDTM-ST
Ngày: 27/7/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan Hương

Ông Đỗ Quang Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sông Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Thái – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2016/TLSTKDTM- ST Ngày 06 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 03 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V. Địa chỉ trụ sở chính: Số 108, T, Quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Anh S- Phó Giám đốc ngân hàng TMCP Công thương V – chi nhánh B (văn bản ủy quyền số 383/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số 15, đường T, tổ 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bắc Kạn.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1952

Địa chỉ: TDP 1, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

3.1. Anh Phạm Thanh H – sinh năm 1975

3.2. Cháu Phạm Linh Nh – sinh ngày 02/01/ 2000

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1952

Đều có địa chỉ tại: TDP 1, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người làm chứng

4.1. Chị Phạm Thị Lan H1 – sinh năm 1977

4.2. Chị Phạm Thị H2 – sinh năm 1979

4.3. Anh Dương Đức Th

Đều có địa chỉ tại: Tổ 2A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt ông Sơn, bà C, cháu Nh, chị H2, anh Th; vắng mặt anh H, chị H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị C có quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương (TMCPCT) V – chi nhánh B từ năm 2013. Hiện tại, bà Nguyễn Thị C còn dư nợ tại Ngân hàng TMCP Công thương V – chi nhánh B cùng các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

*Hợp đồng tín dụng: số 03.02.2013/HĐTD-KD ngày 07/02/2013. Với phương thức cho vay từng lần; số tiền cho vay là: 1.300.000.000 VNĐ (Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn); thời hạn cho vay: 09 tháng kể từ ngày 07/02/2013 đến ngày 07/11/2013; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán phụ tùng, sửa chữa ô tô; lãi suất thả nổi.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, bà Nguyễn Thị C đã không thực hiện thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi đến hạn cho Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B mặc dù Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B đã nhiều lần đôn đốc. Khoản vay trên được đảm bảo bằng biện pháp thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 08.2013/HĐTC-CN ngày 06/02/2013. Cụ thể là: 138m² Đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 313a, tờ bản đồ số 90-III, tổ dân phố 1, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Giá trị tài sản bảo đảm là: 1.987.200.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng); đảm bảo cho mức dư nợ là 1.391.040.000VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm chín mươi một triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B cũng nhiều lần thông báo và yêu cầu bà C bàn giao tài sản bảo đảm để tiến hành bán tài sản thu hồi nợ, đề nghị bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay hoặc bán tài sản để trả nợ; tạo điều kiện cho bà C thực hiện phương án trả nợ dần... Nhưng bà C không thực hiện được. Bên cạnh đó, trong quá trình đôn đốc yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả nợ, cán bộ Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B phát hiện bà Nguyễn Thị C có 03 sổ tiết kiệm tại

hàng TMCPCT V – chi nhánh S có tổng số tiền ước tính hơn 130.000.000 đồng; Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị C thực hiện tất toán tài khoản để trả nợ cho Ngân hàng nhưng không nhận được sự hợp tác.

Vậy Ngân hàng TMCPCT V đề nghị Quý tòa:

Thứ nhất, buộc bà Nguyễn Thị C phải trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V toàn bộ số tiền gốc còn nợ cùng số tiền lãi trong hạn, phí theo hợp đồng tín dụng (nếu có) và số tiền lãi nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 12/11/2015 là 1.878.184.028 VNĐ (Một tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc: 1.300.000.000 VNĐ; nợ lãi: 425.569.445 VNĐ; lãi phạt quá hạn: 152.614.583 VNĐ.

Thứ hai, đề nghị Quý tòa buộc bà Nguyễn Thị C phải tiếp tục trả tiền gốc, tiền lãi và lãi phạt quá hạn cho Ngân hàng TMCPCT V theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số gốc thực tế kể từ ngày Ngân hàng TMCPCT V nộp đơn khởi kiện cho đến khi thi hành án xong.

Thứ ba, Trường hợp bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCPCT V có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án kê biên, bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Cuối cùng, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải thực hiện tất toán khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh S để thực hiện trả nợ cho Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện, Ngân hàng TMCPCT V được phép thực hiện các thủ tục tất toán để cân trừ nợ cho khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2012, con trai tôi là Phạm Thanh H làm công trình thiếu vốn. Nên gia đình tôi có cho con trai (Phạm Thanh H) mượn bìa đỏ để vay vốn Ngân hàng làm ăn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ611787 do UBND thị xã Sông Công cấp ngày 16/04/2004 đứng tên ông Phạm Xuân L, thửa đất số 313a, TĐĐ số: 90-III, diện tích: 138m², địa chỉ thửa đất: TDP 1, phường P, TP. S, Thái Nguyên. Khi còn sống, ông Phạm Xuân L đồng ý cho con trai là anh Phạm Thanh H mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn. Sau khi ông L mất thì có các anh cán bộ ngân hàng đến đề nghị tôi (C) ký giấy tờ để đảo nợ cho anh H, vì tin tưởng nên tôi đã ký. Thực chất, số tiền vay, anh H là người sử dụng, ông L chỉ là người cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn tôi (C) chỉ là người ký giấy tờ cho anh H đảo nợ. Sau khi ông L mất, ngày

10/11/2011, gia đình có hợp và tặng cho lại toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho tôi. Về việc tôi (C) có ký vào hợp đồng thế chấp số 08.2013/HĐTC-CN ngày 06/02/2013 và hợp đồng tín dụng số 03.02.2013/HĐTD-KD ngày 07/02/2013 là do các anh tín dụng ngân hàng nói là ký để đảo nợ cho anh H nên tôi đã ký. Thực chất, tôi không hề biết gì về việc tôi có vay nợ của Ngân hàng. Về phía Ngân hàng Công thương V – chi nhánh B yêu cầu tôi (C) thanh toán số nợ 1.878.184.028 VNĐ tính đến ngày 12/11/2015 thì tôi đồng ý bán tài sản thế chấp để trả nợ cho anh H (con trai tôi), nhưng giá cả là do tôi quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh H trình bày: Do điều kiện kinh doanh cần vốn làm ăn. Sau khi bố tôi là ông Phạm Xuân L mất, mẹ tôi là Nguyễn Thị C cùng các con hợp bàn thống nhất giao toàn quyền sử dụng thửa đất số: 313A, TĐĐ 90-III, diện tích 138m² thuộc phường P, thị xã S mang tên ông: Phạm Xuân L cấp ngày 16.04.2004 cho bà Nguyễn Thị C. Ngày 07.02.2013 tôi (Hà) đã đến yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V – chi nhánh B đề nghị vay vốn. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 08.2013/HĐTC/CN ngày 06/02/2013; tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại Tổ dân phố 1, phường P; thửa đất số 313A; TĐĐ 90-III; diện tích 138m²; hình thức sử dụng: đất ở, thời hạn lâu dài. Đúng tên GCNQSDĐ là ông Phạm Xuân L, cấp ngày 16/04/2004. Tại bản ký kết hợp đồng thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 1.987.200.000 đồng. Tôi được Ngân hàng cho vay 1.300.000.000 đồng vào ngày 07/02/2013. Mẹ tôi đã ký vào giấy nhận nợ cũng như phiếu lĩnh tiền mặt. Số tiền 1.300.000.000 đồng thực chất tôi là người sử dụng. Tôi đã trả được một phần lãi theo Hợp đồng. Đến nay, số tiền nợ gốc và lãi tôi chưa trả được do làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn. Được sự nhất trí của mẹ tôi, tôi (H) đồng ý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng được bán để trả nợ.

Cháu Phạm Linh Nh và người giám hộ (bà Nguyễn Thị C) trình bày: Đối với số tiền tôi (C) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP C – chi nhánh S là nguồn tiền của cháu Phạm Linh Nh (cháu nội) do bố mẹ cháu ly hôn từ khi cháu hơn 2 tuổi, cháu ở với tôi từ đó đến nay. Nên họ hàng ruột thịt đều tập trung kinh tế cho cháu. Với ba lần tiết kiệm, tôi (C) có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP C – chi nhánh S. Tổng số tiền gốc là 130.000.000 đồng. Mục đích để lấy tiền lo cho cháu học Đại học. Nay cháu đã vào lớp 12, bố cháu hiện đang bị Công an Lạng Sơn tạm giam. Tôi (Chiến) tuổi già sức yếu, đề nghị được rút toàn bộ số tiền đã gửi tiết kiệm để lo chi phí ăn học cho cháu Linh Nh. Việc Ngân hàng phong tỏa tài khoản để trừ nợ, không cho tôi rút tiền. Việc này, tôi (Chiến) cũng như cháu Linh Nh không đồng ý.

Người làm chứng chị Phạm Thị Lan H1 và chị Phạm Thị H2 trình bày: Chúng tôi là con gái của bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Xuân L (đã mất). Tài sản chung của bố mẹ tôi có thửa đất số: 313A, TBD 90-III, diện tích 138m² thuộc phường Phổ Cò, thị xã Sông Công mang tên ông: Phạm Xuân L cấp ngày 16.04.2004. Trước khi bố tôi mất không để lại di chúc nên gia đình tôi có hợp lập văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 10.11.2011 tại tổ 4A, phường P, tp S, Thái Nguyên và cùng thống nhất giao toàn quyền sử dụng mảnh đất trên cho bà Nguyễn Thị C. Do vậy, tôi (H1) và tôi (H2) không có ý kiến gì cho dù mẹ tôi (C) có sử dụng vào mục đích gì. Đối với số tiền có trong tài khoản gửi tiết kiệm của bà Nguyễn Thị C tại Ngân hàng TMCP Công thương V- chi nhánh S là nguồn tiền của cháu Phạm Linh Nhi; có được là do cô di, chú bác cho cháu Nhi trong những lần sinh nhật, lễ tết, đầu năm học,... tích lũy lại nhờ bà C gửi tiết kiệm chứ không phải của bà C.

Người làm chứng Dương Đức Th trình bày: Ngày 30.06.2009 tôi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sửa chữa ô tô mua bán phụ tùng ô tô. Địa điểm kinh doanh tại Tổ dân phố 1, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (tại cửa hàng của bà C). Kể từ ngày tôi được cấp giấy phép kinh doanh, bà Nguyễn Thị C không còn liên quan đến việc kinh doanh của tôi. Đến năm 2012 thì tôi chuyển địa điểm kinh doanh đến nơi khác không còn hoạt động kinh doanh tại địa điểm nhà Bà C nữa

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về tố tụng: - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Ngày 06 đến ngày 07/02/2017 bà C ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng Công thương chi nhánh B, theo đó bà C thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 138m², tại thửa 313a, tờ bản đồ 90-III, địa chỉ TDP 1, phường P, thành phố Sông Công, để vay số tiền: 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay: 09 tháng từ ngày 07/02/2013 đến ngày 31/05/2015, đến nay chưa trả được tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn cho Ngân hàng.

Căn cứ các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 355, 471, 474, 476, 721 BLDS; Điều 688 BLDS 2015. Buộc bà Chiến phải trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thỏa thuận cho Ngân hàng C - chi nhánh B.

Đối với yêu cầu bà C phải tất toán khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Công thương – chi nhánh Sông Công. Xét nguồn gốc tiền là của cháu Nh, bà C chỉ là người đứng tên gửi tiết kiệm. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Công thương – chi nhánh Bắc Kạn.

Về án phí, đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và nghe đương sự trình bày, sau khi tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ theo pháp luật của đương sự Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh”. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại có đăng ký kinh doanh với mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng tín dụng số 03.02.2013/HĐTD-KD ngày 07 tháng 02 năm 2013 giữa Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B và hộ đăng ký kinh doanh cá thể (bà Nguyễn Thị C).

Toàn bộ hồ sơ vay vốn cũng như hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do người có thẩm quyền của bên cho vay (Ngân hàng) và bên vay (bà Nguyễn Thị C) ký kết. Về hình thức, nội dung tuân theo các qui định của BLDS 2005 và Luật các tổ chức tín dụng 2010. Hộ kinh doanh cá thể do bà Nguyễn Thị C làm chủ hộ có giấy phép đăng ký kinh doanh do phòng tài chính kế hoạch thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) cấp phép số: 17B8031241, ngày đăng ký lần đầu 14/7/2008 với ngành nghề kinh doanh sửa chữa ô tô, mua bán phụ tùng ô tô là phù hợp với mục đích vay: bổ sung vốn mua bán phụ tùng sửa chữa ô tô. Ngân hàng đã thẩm định xét duyệt trước khi ký kết hợp đồng. Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện. Hộ kinh doanh cá thể bà Nguyễn Thị C đã được giải ngân theo hạn mức tín dụng được cấp và được ký giấy nhận nợ.

[3] Theo tài liệu chứng cứ do Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B cung cấp, có căn cứ xác định bị đơn hộ kinh doanh cá thể bà Nguyễn Thị Chiến đã được giải ngân tính đến 26/7/2017 nợ gốc 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi phát sinh như sau:

Ngày 07/02/2013 nhận nợ 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu), thời hạn trả nợ ngày 07/11/2013 (chưa trả nợ gốc 1.300.000.000 đồng), nợ lãi trong hạn 120.340.278 đồng; tính từ ngày 07/11/2013 đến 16/7/2017, nợ lãi quá hạn 845.920.833 đồng. Toàn bộ khoản vay đã quá hạn; Nên nguyên đơn khởi kiện đòi toàn bộ nợ gốc 1 tỷ 300 triệu là có căn cứ. Số tiền nợ lãi ngân hàng đã tính đúng như lãi suất đã thỏa thuận giữa hai bên ký kết trong hợp đồng tín dụng là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Do hộ kinh doanh cá thể bà Nguyễn Thị C không trả nợ gốc đến hạn nên Ngân hàng tính lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của Ngân hàng đều trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng là có căn cứ. Cần áp dụng Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của BLDS 2005 để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương V xử buộc hộ kinh doanh cá thể bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền 2.266.261.111 đồng (bao gồm nợ gốc 1.300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn còn nợ 120.340.278 đồng, tiền lãi quá hạn 845.920.833 đồng).

[4] Về hợp đồng tín chấp quyền sử dụng đất. Để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của hộ kinh doanh cá thể bà Nguyễn Thị C đã tín chấp tài sản là quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Xuân L (sau khi ông L mất, hàng thừa kế thứ nhất các con đẻ ông Lai gồm anh Phạm Thanh H, chị H2, chị H1 đã thống nhất tài sản tặng cho riêng bà C – Bà C có toàn quyền sử dụng đất thửa đất số 313a, TĐĐ số: 90-III, diện tích: 138m²; thực tế diện tích còn lại là 136m²). Bà C đã có văn bản đề nghị thế chấp tài sản số 08.2013/HĐTC-CN ngày 06/02/2013 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hộ kinh doanh cá thể bà Nguyễn Thị C đối với Ngân hàng.

Việc bà Nguyễn Thị C tự nguyện thỏa thuận dùng tài sản được tặng cho riêng để ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Theo qui định tại Điều 92 của BLTTDS là

tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Hợp đồng có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thi hành.

[5] Xét đề nghị của Ngân hàng về việc bà Nguyễn Thị C phải thực hiện tất toán khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh S để thực hiện trả nợ (Ngân hàng thực hiện các thủ tục tất toán để cản trừ nợ cho khoản vay nợ) là chưa đủ căn cứ bởi lẽ tài khoản gửi tiết kiệm tuy của bà C, song nguồn tiền tiết kiệm là của cháu Phạm Linh Nh (cháu nội bà C). Bà C chỉ là người đứng tên gửi tiết kiệm. Do vậy, không chấp nhận đề nghị của Ngân hàng đối với việc tất toán toàn bộ khoản tiền tiết kiệm tài khoản chính số 199010022434074; tài khoản chi tiết số 126010053434049, 127010019012336 và 127010019471157 của bà Nguyễn Thị Chiến tại Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh S (số tiền 130.000.000 đồng). Trường hợp Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B phong tỏa tài khoản trên cần được gỡ bỏ (nếu có).

[6] Về án phí: Xét thấy, bà C là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi Việt Nam. Mặt khác, bà C hiện đang bị bệnh viêm gan C mãn tính, không có nguồn thu nhập nào khác ngoài lương hưu. Do vậy, cần miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà Chiến theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 (án phí có giá ngạch 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147 BLTTDS; Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 318, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 355, Điều 467, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 721 BLDS 2005; Điều 688 BLDS 2015; Điều 179 Luật đất đai 2013; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V buộc hộ kinh doanh cá thể bà Nguyễn Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương V số tiền 2.266.261.111 đồng (bao gồm toàn bộ nợ gốc 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 120.340.278 đồng, nợ lãi quá hạn 845.920.833 đồng). Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (27/7/2017) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án trả hết nợ gốc và hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) phát sinh từ nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số số 03.02.2013/HĐTD-KD ngày 07/02/2013.

2. Quyền sử dụng đất tại TDP 1, phường P, thành phố S, Thái nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ611787 do UBND thị xã Sông Công cấp ngày 16/04/2004 (nay là thành phố Sông Công) mang tên ông Phạm Xuân L là tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Công thương V – chi nhánh B khi vay tiền theo hợp đồng thế chấp số 08.2013/HĐTC/CN ngày 06/02/2013 có số công chứng số 172 quyền số 01.CCTT/2013 do phòng công chứng Trung Thành chứng thực ngày 06/02/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sông Công (thành phố Sông Công) ngày 06/02/2013 là tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án của hộ kinh doanh cá thể chủ hộ bà Nguyễn Thị Chiến. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay. Ngân hàng TMCP Công thương V – chi nhánh B là nơi đang lưu giữ giấy tờ về tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản nói trên chịu trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công để xử lý theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

3. Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP Công thương V đối với việc tất toán toàn bộ khoản tiền tiết kiệm tài khoản chính số 199010022434074; tài khoản chi tiết số 126010053434049, 127010019012336 và 127010019471157 của bà Nguyễn Thị C tại Ngân hàng TMCPCT V – chi nhánh S. Ngân hàng TMCP Công thương V – chi nhánh B phải gỡ bỏ việc phong tỏa tài khoản trên (nếu có).

4. Về án phí: - Miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C.

- Ngân hàng TMCP Công thương V - chi nhánh B phải chịu 6.500.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được chuyển từ dự phí đã nộp theo biên lai thu số 001594 ngày 06/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công. Trả lại Ngân hàng TMCP Công thương V- chi nhánh B 30.673.840 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh
- VKSND tỉnh, thành phố
- THA dân sự
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Chu Thị Hồng Hải